TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/5/2023.
Về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Duy Khoa**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Vĩ**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tô Ngọc Lâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 31 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐ-HPT ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Hồng N**, sinh năm 1990; Nơi đăng ký thường trú: Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Khối Y, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988; Nơi thường trú: Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1964; Nơi thường trú: Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Bố anh H).

3.2. Bà **Đoàn Thị T**, sinh năm 1967; Nơi thường trú: Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Mẹ anh H).

3.3. Cụ **Ngô Thị D**, sinh năm 1932; Nơi thường trú: Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Mẹ ông H).

3.4. Anh **Nguyễn Hùng Đ**, sinh năm 1997; Nơi thường trú: Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Con ông H và bà T).

3.5. Chị **Nguyễn Phương A**, sinh năm 2002; Nơi thường trú: Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Vợ anh Đ).

3.6. Cháu **Nguyễn Bảo A**, sinh năm 2019; Nơi thường trú: Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Con anh Đ và chị Phương A).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Bảo A là bố mẹ của cháu: Anh **Nguyễn Hùng Đ**, sinh năm 1997 và chị **Nguyễn Phương A**, sinh năm 2002; Cùng nơi thường trú: Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3.7. Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 219, Nam Dư, Lĩnh Nam, Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị N.

Vắng mặt: Anh H, ông H (Có đơn xin vắng mặt), bà T, cụ D, anh Đ, chị Phương A, chị H (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng nhau, ở trên đất của gia đình anh H có từ trước tại Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng hay xích mích to tiếng, cãi nhau. Hai bên gia đình đều khuyên bảo anh H rất nhiều lần nhưng anh H không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh H thường xuyên không có mặt ở nhà. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và các con đã phải về nhà bố mẹ đẻ chị tại Khối Y, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội để ở từ tháng 02 năm 2022 và anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai gia đình hòa giải nhưng không thành. Chị không nhờ chính quyền địa phương hòa giải, vì chị xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có H phúc và mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị xin ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Chị xác định chị và anh H có 02 con chung: Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/8/2011 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/11/2016. Hiện các con chung đang ở cùng chị, sức khỏe các con chung bình thường.

Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị đang làm nghề kinh doanh hải sản và cung cấp dịch vụ làm cỗ, thu nhập 50.000.000 đồng/tháng.

3. Về tài sản chung, công sức: Chị xác định chị và anh H có các tài sản chung, công sức gồm:

- 01 ngôi nhà 3 tầng xây dựng năm 2013 trên thửa đất số XXX, tờ bản đồ x thôn Đông (nay là Khối X), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội mang tên giấy chứng nhận ông Nguyễn Văn H (Bố anh H), toàn bộ tiền xây nhà là do chị và anh H bỏ ra xây, bố mẹ anh H chỉ có công sức đóng góp là trông nom trong quá trình xây dựng.

- 350m^2 đất nông nghiệp ở xứ Đồng G xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội có nguồn gốc từ việc nhận chuyển nhượng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn H năm 2012, hiện anh H đang quản lý, sử dụng.

- 70m^2 đất ở tại thôn Tuyền, xã Đông X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội có nguồn gốc từ việc nhận chuyển nhượng, trong đó 39m^2 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng Thanh đã được sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn H và Lê Thị Hồng N, phần diện tích đất còn lại nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Đ chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Trên diện tích đất trên, vợ chồng chị đã xây dựng 01 ngôi nhà 3 tầng vào năm 2018 và các công trình phụ kèm theo do anh H đang quản lý, sử dụng.

Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của anh chị cho mỗi vợ chồng hưởng ½ tài sản chung. Chị xin hưởng bằng hiện vật là nhà đất tại thôn Tuyền, xã Đông X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội để chị có chỗ ở, nuôi dạy con cái vì chị đang phải ở nhờ nhà đất của bố mẹ đẻ chị.

- 01 xe ô tô bán tải biển kiểm soát 29C - xxx.xx đăng ký mang tên chị là Lê Thị Hồng N hiện anh H đang quản lý, sử dụng. Ban đầu chị yêu cầu chia nH sau đó chị đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung là xe ô tô bán tải biển kiểm soát 29C - xxx.xx và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn:** Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H đã không đến Tòa án làm việc và có văn bản ghi ý kiến của mình do ông Nguyễn Văn H (bố anh H) nộp như sau:

Ngày 26/7/2022, tôi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 87/2022/TB-TLVA ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, hành phố Hà Nội. Do tôi không thể đến Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn để làm việc nên tôi gửi đến Tòa án toàn bộ ý kiến của tôi đối với những vấn đề người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng N yêu cầu được ly hôn với tôi. Tôi đồng ý ly hôn vì chúng tôi đã ly thân đến nay đã được khoảng 05 năm. Tôi và chị N không còn ai quan tâm đến ai. Tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N làm đơn yêu cầu ly hôn với tôi, tôi đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn công nhận sự thuận tình ly hôn giữa tôi và chị N.

2. Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/8/2011 và cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/11/2016. Tôi

không đồng ý với yêu cầu nuôi cả 02 con chung của chị N. Tôi đề nghị được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng với lý do kể từ khi tôi và chị N ly thân đến nay 02 cháu vẫn ở ổn định với tôi. Tôi vẫn quan tâm chăm sóc được cả 02 con chung. Tôi đề nghị khi ly hôn để hai con chung được với nhau không tách các cháu ra. Cách đây khoảng 02 tháng do bố tôi ốm phải đi viện điều trị, chị N có đón các con về ở với chị N. Nếu trong trường hợp đề nghị nuôi cả 02 con chung của tôi không được chấp nhận. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo ý kiến của con chung. Cháu H đã đủ điều kiện để Tòa án hỏi ý kiến nếu cháu muốn ở với ai tôi đồng ý để cháu ở với người đó và để cháu Nghĩa ở cùng anh và người đó. Nếu trong trường hợp, con tôi muốn ở với mẹ tôi đồng ý, tôn trọng ý kiến của con. Tôi đồng ý cấp dưỡng 2.500.000 đồng/ 1 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Nếu con muốn ở với tôi, tôi đồng ý nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản:

3.1. Đối với yêu cầu chia 01 xe bán tải đăng ký Biển kiểm soát 29C - xxx.xx đứng tên chủ sở hữu là chị Lê Thị Hồng N. Chị N yêu cầu chia tài sản này với lý do tôi đang quản lý sử dụng là không có căn cứ. Chị N không có văn bản tờ gì giao cho tôi quản lý sử dụng chiếc xe trên. Tôi và chị N không có chứng cứ gì chứng minh tôi đang quản lý sử dụng chiếc xe trên. Tôi và chị N đã ly thân được 05 năm. Xe mang tên chị N thì do N quản lý và định đoạt như thế nào tôi không biết. Hiện tại, giữa tôi và chị N không có một văn bản hay giấy tờ gì chứng minh là chị N giao chiếc xe trên cho tôi quản lý. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn bác yêu cầu này của chị N vì không có căn cứ. Tôi không biết chiếc xe trên chị N quản lý sử dụng và định đoạt như thế nào nên tôi không đề nghị chia tài sản đối với chiếc xe này.

3.2. Đối với yêu cầu chia 350m^2 quyền sử dụng đất nông nghiệp ở xứ Đồng G, Khối Z, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội: Đã được UBND huyện Sóc Sơn cấp giấy chứng nhận số: BG 070558. Số vào sổ: 0H 0074 ngày 01/3/2012 mang tên Nguyễn Văn H của chị N tôi không đồng ý. Vì tôi và chị N không có chứng cứ, văn bản giấy tờ gì xác định cùng nhau tạo lập khối tài sản trên trong thời kỳ hôn nhân. Tôi và chị N cũng không có văn bản, giấy tờ, tài liệu gì chứng minh mua bán khối tài sản này đưa vào tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung như chị N nêu trên để chia theo yêu cầu của chị N. Tôi đề nghị Tòa án bác yêu cầu này của chị N vì không có căn cứ. Tôi không đề nghị chia tài sản này vì tôi và chị N không có khối tài sản chung này của vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân để chia tài sản của chung vợ chồng.

3.3. Đối với yêu cầu chia 60m^2 đất ở và căn nhà trên đất tại khu tập thể Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông XXX, xã Đông X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội: Chị N yêu cầu chia với lý do vợ chồng nhận chuyển nhượng, trong đó 39m^2 đã được cấp giấy chứng nhận mang tên Nguyễn Văn H theo giấy chứng nhận mang tên số BG xxxxxx số vào sổ CH00241 ngày cấp 18/7/2011 của chị N tôi không đồng ý. Vì tôi và chị N không có khối tài sản nêu trên là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vì giữa tôi và

chị N không cùng nhau ký bất kỳ văn bản nào về việc nhận chuyển nhượng khối tài sản trên của ai trong thời kỳ hôn nhân. Tôi và chị N cũng không có văn bản nào xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Tôi và chị N không có bất kỳ văn bản nào thỏa thuận cùng mua bán và xây dựng khối tài sản nêu trên. Tôi và chị N cũng không có văn bản, giấy tờ, tài liệu gì chứng có khối tài sản này đưa vào tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tôi xác định không có khối tài sản nêu trên là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tôi đề nghị Tòa án bác yêu cầu chia tài sản này của chị N. Tôi không đề nghị chia tài sản này vì không có tài sản chung của vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân để chia tài sản của chung vợ chồng.

3.4. Đối với yêu cầu chia 01 ngôi nhà 03 tầng diện tích 210m^2 xây dựng trên thửa đất số XXX, tờ bản đồ x, Khối X, xã Phủ Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 của chị N tôi không đồng ý. Vì đây không phải là tài sản chung của tôi và chị N trong thời kỳ hôn nhân. Mà đây là tài sản riêng của vợ chồng ông H, bà T không liên quan đến tôi và chị N. Tôi và chị N không có văn bản giấy tờ gì chứng minh có công sức đóng góp xây dựng khối tài sản này của vợ chồng ông H, bà T. Tôi và chị N chỉ là những người được vợ chồng ông H, bà T cho ở cùng ngôi nhà trên trong thời gian chúng tôi là vợ chồng không có chỗ ở. Do vậy, tôi xác định đây không phải là tài sản chung vợ chồng của tôi và chị N. Vì đây không phải là tài sản chung của vợ chồng tôi và chị N nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, bác yêu cầu này của chị N. Tôi không đề nghị chia tài sản này vì đây không phải tài sản chung của vợ chồng tôi và chị N.

Căn cứ vào những lời khai nêu trên, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn giải quyết vụ án: Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn giữa Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng N sinh năm 1990, Bị đơn là tôi: Nguyễn Văn H sinh năm 1988, cùng trú tại: Khối X, xã Phủ Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật. Tôi không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm. Tôi giữ nguyên lời khai nêu trên. Tôi đề nghị không tiến hành hòa giải, đối chất. Tôi từ chối tham gia phiên họp tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ..... Tôi không có đề nghị Tòa án giúp tôi thu thập tài liệu chứng cứ gì thêm. Vì lý do cá nhân tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn cho tôi được vắng mặt trong các buổi làm việc tiếp theo và được xét xử vắng mặt. Mọi văn bản của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn giao cho tôi đề nghị gửi về địa chỉ của tôi nêu trên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị T có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án như sau:

Do vợ chồng tôi không thể đến Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội để làm việc nên vợ chồng chúng tôi gửi đến Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội toàn bộ ý kiến của vợ chồng tôi đối với những vấn đề người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến vợ chồng tôi như sau:

Đối với yêu cầu chia tài sản 01 ngôi nhà 03 tầng diện tích 210m^2 xây dựng trên thửa đất số XXX, tờ bản đồ x, Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 của chị N, tôi không đồng ý. Vì đây là tài sản riêng của vợ chồng tôi, không liên quan đến chị N và anh H. Tài sản trên do vợ chồng tôi tạo lập, chị N và anh H không có công sức đóng góp gì. Giữa vợ chồng tôi và chị N, anh H không có văn bản giấy tờ gì chứng minh chị N và anh H có công sức đóng góp xây dựng khối tài sản này của vợ chồng tôi. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của tôi Nguyễn Văn H nên tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 03 tầng diện tích 210m^2 do vợ chồng tôi xây dựng, vợ chồng tôi chỉ cho chị N và anh H ở cùng ngôi nhà trên trong thời gian chị N và anh H là vợ chồng không có chỗ ở. Vợ chồng tôi xác định: Đây không phải là tài sản chung của vợ chồng chị N và anh H trong thời kỳ hôn nhân của chị N và anh H. Còn nếu chị N đề nghị tòa án chia tài sản trên thì chị N có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án toàn bộ chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu trên của chị N. Chúng tôi xác định đây là tài sản riêng của vợ chồng tôi, chúng tôi dùng tiền của vợ chồng tôi xây nhà trên đất của chúng tôi thì không thể là tài sản của chị N và anh H. Nhà đất mang tên vợ chồng chúng tôi nên việc chị N đòi chia tài sản của chúng tôi là không có căn cứ. Chúng tôi xác định đây không phải là tài sản chung vợ chồng chị N và anh H nên vợ chồng tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, bác yêu cầu chia tài sản này của chị N vì đây là tài sản của vợ chồng tôi, không phải tài sản chung của vợ chồng chị N và anh H trong thời kỳ hôn nhân.

Căn cứ vào những lời khai nêu trên, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Vợ chồng tôi không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm. Vợ chồng tôi giữ nguyên lời khai nêu trên. Vợ chồng tôi đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đối chất. Vợ chồng từ chối tham gia phiên họp tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.... Vợ chồng không đề nghị Tòa án giúp chúng tôi thu thập tài liệu chứng cứ gì thêm. Vì lý do cá nhân, vợ chồng tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn cho vợ chồng tôi được vắng mặt trong các buổi làm việc tiếp theo và được xét xử vắng mặt. Mọi văn bản của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giao cho vợ chồng tôi đề nghị gửi về địa chỉ của vợ chồng tôi như đã nêu trên.

- Cụ Ngô Thị D, anh Nguyễn Đức Hùng và chị Nguyễn Phương A: Cùng có văn bản ghi lời khai gửi về Tòa án xác định không có đóng góp gì vào khối tài sản của ông H và bà T, đồng thời xác định chị N và anh H không có đóng góp gì vào khối tài sản của ông H và bà T.

- Chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị là con của bà Nguyễn Thị Đ. Năm 2017, mẹ chị là bà Nguyễn Thị Đ có ký chuyển nhượng diện tích đất có nguồn gốc được Công ty XXX giao theo Quyết định số XXX ngày 19/01/2011 cho anh Nguyễn Văn H, đất có các cạnh: Phía Bắc giáp đất anh H dài 3,2m, Phía Nam giáp đường nhựa dài 2,9m, Phía Đông giáp nhà bà Sức dài 6,5m và Phía Tây giáp phần đất còn lại của bà Đ dài 6,5m. Hai bên đã bàn giao

đất, mẹ chị đã nhận của anh H 70.000.000 đồng và không còn tranh chấp gì về việc chuyển nhượng trên. Bà Đ đã chết năm 2020, bà Đ chỉ có một mình chị là con duy nhất, không có chồng tại thời điểm chết. Chính vì vậy, chỉ có chị là người thừa kế duy nhất của bà Đ. Nay diện tích đất chuyển nhượng trên liên quan đến việc chia tài sản khi ly hôn của chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn H, chị không có yêu cầu gì liên quan đến diện tích đất đã chuyển nhượng cho anh H. Khi chuyển nhượng, đất chưa có Giấy chứng nhận, chỉ có quyết định giao đất của Công ty XXX nên anh H có trách nhiệm phải làm thủ tục sang tên theo quy định. Chị không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Chị Lê Thị Hồng N giữ nguyên yêu cầu được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H và được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức: Chị yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 ngôi nhà 3 tầng và các công trình khác trên thửa đất số XXX, tờ bản đồ x, Khối X, xã Phủ Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Văn H; diện tích đất nông nghiệp 350m^2 tại xứ Đồng G, thôn Đông (Nay là Khối Z), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận mang tên Nguyễn Văn H; Diện tích đất 39m^2 địa chỉ: Tập thể Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông XXX, xã Đông X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội và công trình trên đất, đã được cấp Giấy chứng nhận mang tên Nguyễn Văn H và Lê Thị Hồng N. Chị xin hưởng bằng hiện vật là diện tích đất nông nghiệp 350m^2 tại xứ Đồng G, thôn Đông (Nay là Khối Z), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Chị N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối 01 xe ô tô bán tải biển kiểm soát 29C - xxx.xx đăng ký mang tên Lê Thị Hồng N và quyền sử dụng đất tại Tập thể Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông XXX, xã Đông X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội do anh Nguyễn Văn H đã nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Đ ngày 06/4/2017.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Đại diện Viện kiểm sát không phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ gồm:

Làm rõ nhân thân của bà Nguyễn Thị Đ;

Thu thập Quyết định giao đất số XXX/QĐ/TC-HC ngày 19/01/2011 của - công ty XXX giao cho bà Đ;

Thu thập tài liệu hợp thửa giữa 02 thửa đất tại thôn Tuyền, xã Đông X;

Xác minh làm rõ giấy chuyển nhượng giữa bà Đ và anh H là 19,98m^2 nH thực tế sử dụng là 30,9m^2, tăng hơn so với diện tích các bên chuyển nhượng cho nhau là 10,91m^2. Vậy diện tích này có phải là đất công không? Nếu có đề nghị đưa UBND xã Đông X vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Đề nghị Tòa án xem xét thẩm định lại tài sản tranh chấp đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, đánh giá đầy đủ, khách quan tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị Hồng N có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn H, giải quyết việc nuôi con và chia tài sản khi ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn".

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn có nơi thường trú: Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tại thời điểm khởi kiện. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Nguyễn Văn H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, bà Đoàn Thị T, cụ Ngô Thị D, anh Nguyễn Hùng Đ, chị Nguyễn Thị Phương A tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người trên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nH đều không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự nH anh Nguyễn Văn H, bà Đoàn Thị Thành, cụ Ngô Thị D, anh Nguyễn Hùng Đ và chị Nguyễn Thị Phương A đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho anh Nguyễn Văn H, bà Đoàn Thị Thành, cụ Ngô Thị D, anh Nguyễn Hùng Đ, chị Nguyễn Thị Phương A theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nH các đương sự đều vắng mặt không có lý do. Đối với ông Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh H đều có đơn xin vắng mặt nộp trực tiếp cho Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều XXX Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Chị N xác định trong cuộc sống chung vợ chồng của anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên có mối quan hệ với người phụ nữ khác và không quan tâm đến vợ con, dẫn đến vợ chồng hay cãi

nhau to tiếng. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị N đã về nhà bố mẹ đẻ để ở và vợ chồng không còn chung sống cùng nhau từ tháng 7 năm 2022.

Tại văn bản ghi ý kiến đề ngày 01/8/2022, anh H xác định: Vợ chồng anh chị đã ly thân được khoản 05 năm, anh và chị N không quan tâm đến nhau, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không dạt được, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Trong cuộc sống chung vợ chồng, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị không còn chung sống cùng nhau.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa chị N và anh H đã xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân và không còn chung sống cùng nhau dẫn đến hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H để các bên sớm ổn định cuộc sống riêng.

[2.2]. Về con chung: Chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung: Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/8/2011 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/11/2016.

Việc giao các con chung của anh, chị cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn, cần phải xem xét toàn diện đến điều kiện nuôi dưỡng và sự phát triển về mọi mặt của các con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Cả chị N và anh H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung khi vợ chồng ly hôn. Văn bản ghi ý kiến đề ngày 01/8/2022, anh H xác định khi anh chị ly hôn, để hai con chung được ở với nhau, cháu H đã đủ điều kiện để Tòa án hỏi ý kiến nếu cháu muốn ở với ai, anh đồng ý để cháu ở với người đó và để cháu Nghĩa ở cùng anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Minh H có văn bản ghi nguyện vọng xin được ở với chị N, khi bố mẹ ly hôn.

Vì vậy, cần giao các con chung của anh chị là Nguyễn Minh H và cháu Nguyễn Minh Nghĩa cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H vì chị N không có yêu cầu anh H cấp dưỡng.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức:

- Tại phiên tòa, chị Lê Thị Hồng N xin rút yêu cầu khởi kiện đối với việc chia tài sản chung gồm: 01 xe ô tô bán tải biển kiểm soát 29C - xxx.xx đăng ký mang tên chị là Lê Thị Hồng N và quyền sử dụng đất tại Tập thể Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông XXX, xã Đông X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội do anh Nguyễn Văn H đã nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Đ ngày 06/4/2017 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với các tài sản này.

- Các tài sản chung đương sự yêu cầu Tòa án xem, giải quyết gồm:

1. Diện tích 350m^2 đất nông nghiệp ở xứ Đồng G xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội và hàng rào tôn trên đất.

Tài liệu do Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, Chi nhánh huyện Sóc Sơn cung cấp xác định, diện tích 350m^2 đất nông nghiệp thuộc Thửa đất Đ.Giải, tờ bản đồ 03, thôn Đông, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội có nguồn gốc do anh H nhận chuyển nhượng của hộ ông Ngô Tuấn Dậu và hộ ông Đoàn Văn Mùi, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn H, do UBND huyện Sóc Sơn cấp ngày 01/3/2012. Trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất khi chuyển nhượng, diện tích đất 350m^2 có các cạnh tiếp giáp: Cạnh phía Bắc giáp đường nội đồng, Cạnh phía Nam giáp Hộ bà T, Cạnh phía Đông giáp Hộ bà N và Cạnh phía Tây giáp Hộ ông T.

2. Diện tích đất 39m^2 và công trình trên đất tại Tập thể Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông XXX, xã Đông X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội có nguồn gốc anh H và chị N nhận chuyển nhượng ngày 10/12/2015 và đã được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội, Chi nhánh huyện Sóc Sơn xác nhận ngày 04/02/2016 mang tên anh Nguyễn Văn H và vợ là Lê Thị Hồng N. Sau khi nhận chuyển nhượng, anh chị đã tiến hành xây dựng 01 ngôi nhà 3 tầng trên đất.

Các tài sản trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của chị N và anh H, giữa chị N và anh H không có văn bản xác định diện tích 350m^2 đất nông nghiệp ở xứ Đồng G, tờ bản đồ 03, thôn Đông (nay là Khối Z), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội và diện tích đất 39m^2 tại Tập thể Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông XXX, xã Đông X, huyện Sóc Sơn, Hà Nội cùng các công trình trên đất là tài sản riêng của anh H hay chị N nên các tài sản trên được xác định là tài sản chung vợ chồng theo quy định tại Điều 26 và Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Đối với ngôi nhà 3 tầng xây dựng năm 2013 trên thửa đất số XXX, tờ bản đồ x thôn Đông (nay là Khối X), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội mang tên giấy chứng nhận ông Nguyễn Văn H.

Anh Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H, bà Đoàn Thị Thành, cụ Ngô Thị D, anh Nguyễn Hùng Đ và chị Nguyễn Phương A đều xác định ngôi nhà 3 tầng là tài sản riêng của vợ chồng ông H và bà T, anh H và chị N không có công sức đóng góp gì đối với ngôi nhà 3 tầng trên.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, chị N đã xuất trình các tài liệu là hóa đơn mua bán vật liệu xây dựng và tài liệu theo dõi số lượng việc mua vật

liệu xây dựng, tài liệu thanh toán tiền công thợ trong quá trình xây dựng ngôi nhà.

Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của những người trực tiếp nhận thi công xây dựng nhà, người bán vật liệu xây dựng và người gia công đồ gỗ của ngôi nhà cho anh H và chị N trong quá trình xây dựng, thể hiện:

- Ông Hoàng Văn Hành, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Thôn Lai Cách, xã X Giang, Sóc Sơn, Hà Nội xác định: Ông làm nghề thợ xây và chuyên nhận thi công xây dựng các công trình nhà ở dân dụng của các hộ dân trên địa bàn huyện Sóc Sơn. Năm 2013, vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Hồng N xây nhà ở tại Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội nên vợ chồng anh H và chị N có thuê ông đến xây dựng nhà theo thiết kế mà anh chị đã có sẵn. Chính vì vậy, ông đã đưa thợ đến để xây dựng nhà ở cho vợ chồng anh H và chị N. Ông tiến hành thi công xây dựng từ đầu năm 2013 đến tháng 9 năm 2013 (âm lịch) thì thi công xong và bàn giao những phần đã thi công cho vợ chồng anh H và chị N. Ông chỉ tiến hành thi công xây thô, hoàn thiện trát tường và lát nền, còn phần mộc và sơn là do người khác. Khi anh H và chị N thuê ông thi công xây dựng, hai bên chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng, không lập hợp đồng thi công xây dựng bằng văn bản. Anh H và chị N ứng tiền cho ông làm nhiều đợt và sau khi xây dựng xong thì anh chị thanh toán hết cho ông tiền công xây dựng. Tổng số tiền công xây dựng mà anh H và chị N đã thanh toán cho ông là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), việc tạm ứng và thanh toán tiền công xây dựng ông đã ghi ở sổ theo dõi của ông, hiện nay ông vẫn đang giữ. Số tiền công 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) trên là do anh H và chị N là người trực tiếp trả tiền công xây dựng cho ông. Khi ông tiến hành thi công xây dựng thì bố mẹ anh H là ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Thanh chỉ ở nhà phục vụ nước nôi cho thợ xây khi cần. Việc giám sát việc xây dựng, quyết toán công xây dựng là do anh H và chị N thực hiện với ông. Ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Thanh không biết gì về khối lượng công việc thi công xây dựng và chưa bao giờ thanh toán cho ông bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến việc xây dựng ngôi nhà trên.

- Ông Lê Văn Soát, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Khối 1, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xác định: Ông làm nghề thợ mộc, xưởng mộc của tại Khối 1, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Năm 2013, vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Hồng N xây nhà ở tại Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, Hà Nội nên vợ chồng anh H và chị N có đến nhà ông đặt vấn đề để ông gia công đồ gỗ lắp đặt trong nhà gồm: Khung cửa, cánh cửa nhà, mặt bậc cầu thang, tay vịn cầu thang và tủ bếp đều bằng gỗ. Chính vì vậy, ông đã cho thợ đến gia công đồ gỗ trong nhà cho vợ chồng anh H và chị N theo yêu cầu của anh chị. Sau khi gia công xong, hai bên có cộng lại khối lượng đồ gỗ ông đã gia công, tổng số tiền mà anh H và chị N phải trả cho ông là 492.553.000 đồng, ông không nhớ ngày cụ thể nH hai bên có lập văn bản. Trong quá trình ông gia công đồ gỗ, vợ chồng anh H và chị N đã ứng cho ông số tiền 200.000.000 đồng nên sau khi quyết toán thì anh H và chị N chỉ còn phải trả cho ông số tiền 292.553.000 đồng. Việc

thanh toán tiền đã lập thành văn bản, mỗi bên giữ một bản. Khi trả tiền cho ông, anh H và chị N trực tiếp trả tiền nH chị N là người ký chốt văn bản đối với ông. Việc ông gia công đồ gỗ trên là do vợ chồng anh H, chị N thỏa thuận và trả tiền cho ông. Ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Thành là bố mẹ đẻ của anh H không biết về khối lượng đồ gỗ ông gia công và cũng chưa bao giờ trả tiền gia công đồ gỗ đối với ngôi nhà trên cho ông.

- Bà Lê Thị Cao, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Khối 14, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xác định: Bà làm nghề kinh doanh bán vật liệu xây dựng tại Khối 14, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Năm 2013, vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Hồng N xây nhà ở tại Khối X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, Hà Nội trên đất của gia đình nhà ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Thành là bố mẹ đẻ của anh H. Chính vì vậy, anh H có gọi điện cho bà đến nhà anh H để thỏa thuận về việc bà bán gạch, cát, sỏi cho vợ chồng anh H xây nhà. Vợ chồng anh H, chị N mua gạch, cát, sỏi của bà làm nhiều lần trong quá trình xây nhà, bà có ghi sổ theo dõi những lần bán cho anh chị. Việc mua bán theo phương thức, bà giao gạch, cát, sỏi cho vợ chồng anh H xong, sau đó bà cộng sổ rồi anh chị mới trả tiền cho bà. Tổng số tiền mua gạch, cát, sỏi mà vợ chồng anh H phải trả cho bà là 129.240.000 đồng. Việc trả tiền được hiện làm nhiều lần:

Lần thứ nhất, ngày 07/3/2013, ông Nguyễn Văn H trả tạm ứng cho bà 30.000.000 đồng.

Lần thứ hai, 19/4/2013, ông Nguyễn Văn H trả tạm ứng cho bà 20.000.000 đồng.

Lần thứ ba, 16/6/2013, ông Nguyễn Văn H trả tạm ứng cho bà 20.000.000 đồng.

Lần thứ tư, ngày 18/01/2016, bà đến nhà anh Nguyễn Văn H để chốt nốt số tiền còn lại mà vợ chồng anh H, chị N phải trả cho bà từ việc mua gạch, cát, sỏi: Bà đã cùng ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Hồng N chốt số tiền còn lại mà anh H, chị N phải trả cho bà là 59.240.000 đồng và vợ chồng anh H đã trả cho bà số tiền 59.240.000 đồng. Việc bà giao gạch, cát, sỏi xây nhà và nhận tiền của gia đình anh H, bà có ghi sổ theo dõi theo ngày bà đã đem Sổ theo dõi lên cho Tòa án xem và phô tô lại đối với những trang sổ ghi theo dõi số lượng cát, sỏi, gạch bà cho anh H và chị N. Bà không thể giao cho Tòa án sổ gốc được vì là sổ theo dõi của cá nhân bà bán hàng cho nhiều người trong đó có vợ chồng anh H và chị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự để đối chất làm rõ mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự về tài sản đang có tranh chấp trong vụ án nH anh H, ông H và bà T đều vắng mặt và anh H, ông H, bà T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh ngôi nhà 3 tầng trên là do ông H và bà T bỏ tiền ra để xây dựng.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Anh H, ông H và bà

T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên xác định ngôi nhà 3 tầng xây dựng năm 2013 trên thửa đất số XXX, tờ bản đồ số 04, thôn Đông (nay là Khối X), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội mang tên giấy chứng nhận ông Nguyễn Văn H đang có tranh chấp là tài sản chung của chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn H có trong trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Thành có công sức đóng góp trong việc trông nom xây dựng và quản lý ngôi nhà. Cần chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị N, khi chia tài sản chung của chị N và anh H là ngôi nhà 3 tầng trên thì cần trích một phần công sức cho ông H và bà T.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định và Biên bản định giá tài sản ngày 20/10/2022 và ngày 15/11/2022, các tài sản có trị giá như sau:

* Quyền sử dụng đất diện tích và công trình trên đất tại địa chỉ: Tập thể Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông XXX, xã Đông X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội do anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Hồng N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Đất ở diện tích 39m^2, trị giá 780.000.000 đồng;

- 01 nhà 3 tầng, trị giá: 558.885.600 đồng.

Tổng 1.338.885.600 đồng.

* Quyền sử dụng đất nông nghiệp 350m^2 và tài sản trên đất tại xứ Đồng G, tờ bản đồ 03, thôn Đông (Nay là Khối Z), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội do anh Nguyễn Văn H đứng tên Giấy chứng nhận:

- Quyền sử dụng đất nông nghiệp, trị giá 37.800.000 đồng;

- Hàng rào tôn, trị giá: 22.901.000 đồng;

Tổng 60.701.000 đồng.

* Công trình xây dựng và cây lâm lộc trên thửa đất số XXX, tờ bản đồ x thôn Đông (nay là Khối X), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội:

- 01 nhà 3 tầng, trị giá: 1.655.161.200 đồng;

- Đoạn tường gạch phía tây, trị giá: 947.000 đồng;

- Sân gạch đỏ, trị giá: 12.911.950 đồng;

- 02 trụ cổng, trị giá: 6.840.000 đồng;

- 01 bộ cánh cổng khung thép, trị giá: 633.665 đồng;

- Đoạn tường gạch giáp đường dân sinh, trị giá: 742.248 đồng;

- H sắt trên tường gạch và trên trụ cổng, trị giá: 128.588 đồng;

- 01 giếng khoan, trị giá: 2.709.000 đồng;

- 01 cây xanh, trị giá: 500.000 đồng;

- 01 cây sung, trị giá: 300.000 đồng;

- 01 cây lộc vừng, trị giá: 360.000 đồng;

Tổng 1.681.233.651 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản do anh H và chị N tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân, các bên có công sức đóng góp ngang nhau nên được hưởng 50% trị giá tài sản chung đang có tranh chấp.

Đối với các công trình xây dựng xây dựng trên thửa đất số XXX, tờ bản đồ số 04, thôn Đông (nay là Khối X), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội mang tên giấy chứng nhận ông Nguyễn Văn H, do ông H và bà T có công sức đóng góp trong việc trông nom và quản lý nên cần trích công sức cho ông H và bà T 30% trị giá của ngôi nhà 3 tầng và các công trình trên thửa đất số XXX, tờ bản đồ x thôn Đông (nay là Khối X), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội: 1.681.233.651 đồng x 30% = 504.370.095 đồng. Còn lại là trị giá tài sản chung của anh H và chị N bằng 1.176.863.556 đồng.

Xét nhu cầu của đương sự và để đảm bảo sự ổn định trong việc sử dụng nhà đất và nhu cầu của các bên, cần giao cho các đương sự được hưởng tài sản là hiện vật quyền sử dụng đất, công trình trên đất và các bên phải có nghĩa vụ thanh toán cho nhau giá trị chênh lệch bằng tiền của tài sản mà mình được hưởng là phù hợp. Cần giao cho chị N được hưởng diện tích đất nông nghiệp 350m^2 và tài sản trên đất tại xứ Đồng G, tờ bản đồ 03, thôn Đông (Nay là Khối Z), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; giao cho anh H được quyền sử dụng Quyền sử dụng đất diện tích và công trình trên đất tại Tập thể Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông XXX, xã Đông X, huyện Sóc Sơn; giao ngôi nhà 3 tầng và các công trình trên thửa đất số XXX, tờ bản đồ x thôn Đông (nay là Khối X), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội cho ông H và bà T được quyền sở hữu. Anh H, ông H và bà T có nghĩa thanh toán cho chị N giá trị chênh lệnh bằng tiền của tài sản là hiện vật mà mình được hưởng theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.4]. Về nợ chung: Quá trình giải quyết các đương sự không có yêu cầu gì về các vấn đề này nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5]. Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với giải quyết tài sản chùng là: 01 xe ô tô bán tải biển kiểm soát 29C - xxx.xx đăng ký mang tên chị là Lê Thị Hồng N và quyền sử dụng đất tại Tập thể Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông XXX, xã Đông X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội do anh Nguyễn Văn H đã nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Đ ngày 06/4/2017 là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định, đo đạc và định giá tài sản 17.400.000 đồng do chị N đã nộp. Các đương sự phải chịu phần chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc và định giá tài sản theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà mình được hưởng theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N và anh H mỗi người phải chịu 5.800.000 đồng, ông H và bà T cùng phải chịu 5.800.000 đồng.

[4]. Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn và án phí chia tài sản có giá ngạch đối với giá trị tài sản chị được chia; anh H, ông H và bà T phải nộp án

phí chia tài sản có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tại phiên tòa: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát không phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án ngừng phiên tòa để tiếp tục xác minh, thu thập chứng cứ liên quan đến tài sản là quyền sử dụng đất tại Tập thể Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông XXX, xã Đông X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội do anh Nguyễn Văn H đã nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Đ ngày 06/4/2017 và tiến hành xem xét, thẩm định lại tài sản. Hội đồng xét xử nhận thấy, tài sản là quyền sử dụng đất tại Tập thể Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông XXX, xã Đông X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội do anh Nguyễn Văn H đã nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Đ ngày 06/4/2017 đã được Tòa án xác minh đầy đủ nH tại phiên tòa, chị N đã rút yêu cầu giải quyết đối với tài sản này nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Xét yêu cầu của Viện kiểm sát là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, Điều 217, 147, 157, 165, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng N.

Chị Lê Thị Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Quan hệ hôn nhân của chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn H chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung: Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/8/2011 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/11/2016.

Ly hôn, giao các con chung Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh N, cho chị Lê Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn H đến khi các con chung của anh, chị thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Xác nhận khối tài sản chung của chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn H gồm:

- Quyền sử dụng đất ở diện tích 39m^2, trị giá 780.000.000 đồng;
- 01 nhà 3 tầng, trị giá: 558.885.600 đồng;
- Quyền sử dụng đất nông nghiệp, trị giá 37.800.000 đồng;
- Hàng rào tôn, trị giá: 22.901.000 đồng;
- 01 nhà 3 tầng, trị giá: 1.655.161.200 đồng;
- Đoạn tường gạch phía tây, trị giá: 947.000 đồng;
- Sân gạch đỏ, trị giá: 12.911.950 đồng;
- 02 trụ cổng, trị giá: 6.840.000 đồng;
- 01 bộ cánh cổng khung thép, trị giá: 633.665 đồng;
- Đoạn tường gạch giáp đường dân sinh, trị giá: 742.248 đồng;
- Hoa sắt trên tường gạch và trên trụ cổng, trị giá: 128.588 đồng;
- 01 giếng khoan, trị giá: 2.709.000 đồng;
- 01 cây xanh, trị giá: 500.000 đồng;
- 01 cây sung, trị giá: 300.000 đồng;
- 01 cây lộc vừng, trị giá: 360.000 đồng;

*** Tổng trị giá tài sản: 3.080.820.251 đồng, trong đó:**

- Công sức đóng góp của ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị T đối với ngôi nhà 3 tầng và các công trình, cây lâm lộc trên thửa đất số XXX, tờ bản đồ x thôn Đông (nay là Khối X), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội: 1.681.233.651 đồng x 30% = 504.370.095 đồng.

- Tài sản chung của chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn H là **2.576.450.156 đồn**g, chị N và anh H mỗi người được hưởng 50% trị giá tài sản = **1.288.225.078 đồng**.

3.1. Chị Lê Thị Hồng N được sở hữu, sử dụng các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất nông nghiệp diện tích 350m^2 tại xứ Đồng G, tờ bản đồ 03, thôn Đông (Nay là Khối Z), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Đất đã được UBND huyện Sóc Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 0705588 ngày 01/3/2012 mang tên Nguyễn Văn H, có các cạnh đo thực tế như sau:

Cạnh phía Bắc giáp đường bê tông nội đồng dài 32,15m.

Cạnh phía Nam giáp giáp phần đất nông nghiệp của Hộ bà T hiện anh H đang quản lý, sử dụng dài 32,61m.

Cạnh phía Đông giáp với phần đất nông nghiệp của Hộ bà N dài 10,30m.

Cạnh phía Tây giáp với phần đất nông nghiệp của Hộ ông T dài 11,4m.

- Các tài sản trên đất: 01 Hàng rào bằng tôn.

Tổng giá trị tài sản: 60.701.000 đồng (Sáu mươi triệu, bảy trăm linh một nghìn đồng).

3.2. Anh Nguyễn Văn H được sở hữu, sử dụng các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất ở 39m^2 tại tại Tập thể Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông XXX, xã Đông X, huyện Sóc Sơn (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 292709 do UBND huyện Sóc Sơn cấp ngày 18/72011 mang tên ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng Thanh, ngày 04/02/2016 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, Chi nhánh Sóc Sơn xác nhận chuyển nhượng toàn bộ cho Nguyễn Văn H và Lê Thị Hồng N).

- Các tài sản trên đất: 01 ngôi nhà 3 tầng.

Tổng giá trị tài sản: 1.338.885.600 đồng (Một tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng).

- Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lê Thị Hồng N số tiền **639.092.300 đồng** (Sáu trăm ba mươi chín triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm đồng) chênh lệnh giá trị tài sản thay hiện vật.

3.3. Ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Thành được sở hữu, sử dụng các tài sản sau:

- Các tài sản trên thửa đất số XXX, tờ bản đồ x thôn Đông (nay là Khối X), xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, gồm:

+ 01 nhà 3 tầng, trị giá: 1.655.161.200 đồng

+ Đoạn tường gạch phía tây, trị giá: 947.000 đồng;

+ Sân gạch đỏ, trị giá: 12.911.950 đồng;

+ 02 trụ cổng, trị giá: 6.840.000 đồng;

+ 01 bộ cánh cổng khung thép, trị giá: 633.665 đồng;

+ Đoạn tường gạch giáp đường dân sinh, trị giá: 742.248 đồng;

+ Hoa sắt trên tường gạch và trên trụ cổng, trị giá: 128.588 đồng;

+ 01 giếng khoan, trị giá: 2.709.000 đồng;

+ 01 cây xanh, trị giá: 500.000 đồng;

+ 01 cây sung, trị giá: 300.000 đồng;

+ 01 cây lộc vừng, trị giá: 360.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 1.681.233.651 đồng (Một tỷ, sáu trăm tám mươi mốt triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi mốt đồng).

Trong đó phần công sức của ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Thành trị giá **504.370.095 đồng** (Năm trăm linh tư triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, không trăm chín mươi lăm đồng) và giá trị tài sản chung của anh H và chị N là **1.176.863.556 đồng** (Một tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng).

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Thành cùng có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Văn H số tiền **588.431.778 đồng** (Năm trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi mốt nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng) và chị Lê Thị Hồng N số tiền **588.431.778 đồng** (Năm trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi mốt nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng) thay hiện vật.

4. Về chi xem xét, thẩm định và định giá tài sản: 17.400.000 đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Chị Lê Thị Hồng N phải chịu 5.800.000 đồng (Năm triệu, tám trăm nghìn đồng) nH được trừ vào số tiền 17.400.000 đồng đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng) chị đã nộp tạm ứng. Chị N đã nộp đủ tiền chi xem xét, thẩm định và định giá tài sản.

Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lê Thị Hồng N số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 5.800.000 đồng (Năm triệu, tám trăm nghìn đồng).

Vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị T cùng có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lê Thị Hồng N số 5.800.000 đồng (Năm triệu, tám trăm nghìn đồng) số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản đối với: 01 xe ô tô bán tải biển kiểm soát 29C - xxx.xx đăng ký mang tên chị là Lê Thị Hồng N và quyền sử dụng đất tại Tập thể Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông XXX, xã Đông X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội do anh Nguyễn Văn H đã nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Đ ngày 06/4/2017.

6. Về án sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), án phí ly hôn và 50.946.000 đồng (Năm mươi triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí chia tài sản, tổng cộng 51.246.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) nH được trừ vào số tiền 38.220.000 đồng (Ba mươi tám triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng) mà chị đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0005216 ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn. Chị Lê Thị Hồng N còn phải nộp số tiền án phí 13.026.000 đồng (Mười ba triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Anh Nguyễn Văn H phải nộp 50.946.000 đồng (Năm mươi triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí chia tài sản để sung ngân sách Nhà nước.

- Ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị T phải nộp 24.174.000 đồng (Hai mươi tự triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn đồng) án phí chia tài sản để sung ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án vắng mặt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chị cục THADS huyện Sóc Sơn;
- UBND đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Duy Khoa